

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 07/2026/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 886/BC-KTNS ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề; hủy, phá dỡ (sau đây gọi tắt là giải bản) đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ.

Điều 2. Chính sách giải bản tàu cá

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét trở lên đăng ký trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Chủ tàu cá tự thực hiện giải bản tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan.

b) Tàu cá trước khi thực hiện giải bản phải còn đầy đủ phần vỏ tàu và máy tàu.

c) Chủ tàu thu dọn rác thải phát sinh khi giải bản đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 01 (một) lần cho những tàu cá giải bản từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

b) Một chủ tàu cá sở hữu nhiều tàu cá đủ điều kiện hỗ trợ giải bản thì thực hiện hỗ trợ với tất cả tàu cá đủ điều kiện.

4. Mức hỗ trợ:

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét: 50.000.000 đồng/tàu cá.

b) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét: 100.000.000 đồng/tàu cá.

c) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên: 200.000.000 đồng/tàu cá.

Điều 3. Chính sách chuyển đổi nghề, ổn định sinh kế sau khi giải bản

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét trở lên đăng ký trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Điều kiện hỗ trợ: Là chủ sở hữu tàu cá thực hiện giải bản theo chính sách quy định tại Điều 2 Nghị quyết này và không sở hữu tàu cá nào khác.

3. Nguyên tắc hỗ trợ: Hỗ trợ 01 (một) lần/chủ tàu cá.

4. Mức hỗ trợ: 27.000.000 đồng/chủ tàu cá.

Điều 4. Quy định về hoàn trả kinh phí hỗ trợ

Chủ tàu cá đã thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết này trong trường hợp đóng mới, thuê, mua tàu cá hoạt động khai thác thủy sản phải hoàn trả lại 100% kinh phí hỗ trợ trước khi được cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách

1. Trình tự thủ tục xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nguyện vọng giải bản tàu cá đăng ký nhu cầu và dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ năm sau gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 7 năm trước năm kế hoạch.

b) Trên cơ sở đăng ký của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn xã, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 7 năm trước năm kế hoạch.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp danh sách đăng ký thụ hưởng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 9 năm trước năm kế hoạch.

d) Trên cơ sở danh sách đăng ký thụ hưởng và đề nghị kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm giao cho các địa phương. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính thực hiện các thủ tục cấp bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trình tự, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định sau:

a) Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gửi (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) Đơn đề nghị hỗ trợ (*theo mẫu 01 ban hành kèm theo*) đến Bộ phận Một cửa các cấp (trước ngày 05/12 hàng năm trong năm thực hiện hỗ trợ chính sách). Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký trụ sở/thường trú.

b) Bước 2: Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức giám sát chủ tàu thực hiện giải bản tàu cá, lập biên bản theo Mẫu số 11.ĐKT kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT (*Mẫu biên bản ban hành kèm theo*) và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả thẩm định, tổ chức giải bản.

- Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trong đó nêu rõ lý do.

- Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ.

c) Bước 3: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời gian 01 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

Điều 6. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.
2. Thời gian thực hiện hỗ trợ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong

Mẫu số 01. Đơn đề nghị hỗ trợ
(Kèm theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (xã, phường).....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:
2. Số CCCD/Giấy chứng nhận ĐKKD:
- Ngày cấp:Nơi cấp; Điện thoại:
3. Địa chỉ trụ sở/thường trú:

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ giải bản: Do không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản, tôi đăng ký thực hiện giải bản, phá dỡ tàu cá, cụ thể:

- Số đăng ký TH-.....-TS; Chiều dài lớn nhất: m;

.....

(Bổ sung thêm nội dung nếu sở hữu nhiều tàu tham gia chính sách)

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề (trong trường hợp không còn sở hữu tàu cá khác ngoài tàu cá đăng ký giải bản)

Đăng ký hỗ trợ chuyển đổi nghề ☐; Không đăng ký hỗ trợ chuyển đổi nghề ☐

3. Cam kết: Tôi đã nắm rõ quy định phải hoàn trả 100% kinh phí hỗ trợ trong trường hợp đóng mới, thuê, mua tàu cá hoạt động khai thác thủy sản.

4. Tài khoản ngân hàng nhận hỗ trợ:

- Tài khoản số:.....tại Ngân hàng.....

- Chủ tài khoản:

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét./.

....., ngày tháng năm 20...

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 02. Biên bản xác minh tình trạng tàu cá xóa đăng ký
- Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT
(Kèm theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ

Hôm nay, ngày tháng năm, tại.....

.....chúng tôi gồm có:

I. Thành phần

1. Chi cục Biển đảo và Thủy sản

- Ông :Chức vụ:

- Ông :Chức vụ:

2. UBND xã/phường.....

- Ông :Chức vụ:

- Ông :Chức vụ:

3. Lực lượng Biên phòng tuyến biển

- Ông :Chức vụ:

- Ông :Chức vụ:

4. Chủ tàu cá:.....;CCCD:.....

II. Nội dung làm việc: Cùng nhau kiểm tra và xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=..... Ltk =.....;
 Btk=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động.....

2. Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

3. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

4. Tình trạng tàu tại thời điểm kiểm tra

a) Phần thân tàu:

b) Phần máy tàu:

c) Phần trang thiết bị:.....

d) Chủ tàu cá nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ cho đại diện Chi cục Biển đảo và Thủy sản Thanh Hóa.

Trường hợp không nộp lại, lý do:.....

5. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã được (phá dỡ, phá hủy, không còn khả năng hoạt động):

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra và các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản hoàn thành vào hồi giờ ngày / / , các bên tham gia thống nhất với nội dung trên. Biên bản này gồm 04 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau./.

CHỦ TÀU **ĐẠI DIỆN LỰC** **ĐẠI DIỆN ỦY BAN** **ĐẠI DIỆN CHI CỤC BIỂN**
LƯỢNG BIỂN PHÒNG **NHÂN DÂN CẤP XÃ** **ĐẢO VÀ THỦY SẢN**